

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: GIÁO DỤC THỂ CHẤT

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
				HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
						4.0		6.0	6.0		
1	1223360158	Trần Trường An	01BK15A6.2	8.0	7.0	7.3		7.5		7.4	Đạt
2	1223360150	Mạc Duy An	01BK15A6.2	7.0	7.0	7.0		8.5		7.9	Đạt
3	1223360240	Nguyễn Hoàng Anh	01BK15A7	9.0	9.5	9.3		9.5		9.4	Đạt
4	1223360248	Vũ Bùi Quốc Anh	01BK15A7	9.5	9.0	9.2		8.5		8.8	Đạt
5	1223360231	Dương Tuấn Anh	01BK15A7	7.0	7.0	7.0		8.5		7.9	Đạt
6	1223360223	Nguyễn Hoài Phương Anh	01BK15A7	7.0	7.5	7.3		7.5		7.4	Đạt
7	1223360081	Hoàng Kỳ Anh	01BK15A7	9.0	9.0	9.0		9.0		9.0	Đạt
8	1223360149	Phạm Lan Anh	01BK15A6.2	7.0	7.0	7.0		9.0		8.2	Đạt
9	1223360238	Nguyễn Quốc Bảo	01BK15A7	7.5	7.0	7.2		8.0		7.7	Đạt
10	1223360090	Nguyễn Duy Bảo	01BK15A6.2	9.0	7.0	7.7		8.5		8.2	Đạt
11	1223360112	Trịnh Hoàng Gia Bảo	01BK15A6.2	8.0	6.5	7.0		7.5		7.3	Đạt
12	1223360137	Ngô Trần Gia Bảo	01BK15A6.2	7.0	6.0	6.3		7.5		7.0	Đạt
13	1223360123	Nguyễn Bính	01BK15A6.2	8.0	9.0	8.7		9.0		8.9	Đạt
14	1223360140	Nguyễn Bình	01BK15A6.2	9.0	9.0	9.0		9.0		9.0	Đạt
15	1223360245	Lâm Thị Yên Chi	01BK15A7	8.0	7.5	7.7		6.0		6.7	Đạt
16	1223360125	Huỳnh Thị An Chi	01BK15A6.2	7.0	7.5	7.3		6.5		6.8	Đạt
17	1223360241	Nguyễn Hùng Cường	01BK15A7	9.0	9.0	9.0		9.0		9.0	Đạt
18	1223360094	Nguyễn Thành Đạt	01BK15A6.2	8.0	7.5	7.7		9.5		8.8	Đạt
19	1223360131	Phùng Thị Tú Diễm	01BK15A6.2	7.0	7.0	7.0		7.5		7.3	Đạt
20	1223360052	Đặng Nguyễn Thục Đoan	01BK15A6.2	7.0	7.5	7.3		6.5		6.8	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: GIÁO DỤC THỂ CHẤT

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4.0					
21	1223360136	Nguyễn Ngọc Hải	Dương	01BK15A6.2	7.0	6.0	6.3				2.5	Thi lại
22	1223360133	Trần Khánh	Dương	01BK15A6.2	10.0	9.0	9.3		10.0		9.7	Đạt
23	1223360246	Sơn Hữu	Duy	01BK15A7	7.5	8.0	7.8		8.5		8.2	Đạt
24	1223360232	Nguyễn Gia	Hân	01BK15A7	8.0	7.0	7.3		7.5		7.4	Đạt
25	1223360229	Phan Trần Thu	Hằng	01BK15A7	8.0	8.0	8.0		6.0		6.8	Đạt
26	1223360234	Cao Đức	Hạnh	01BK15A7	8.5	8.5	8.5		9.0		8.8	Đạt
27	1223360151	Đỗ Anh	Hào	01BK15A6.2	8.0	8.0	8.0		8.0		8.0	Đạt
28	1223360146	Lê Trọng	Hiền	01BK15A6.2	8.0	7.0	7.3		8.0		7.7	Đạt
29	1223360250	Nguyễn Trung	Hiếu	01BK15A7	8.0	7.5	7.7		8.5		8.2	Đạt
30	1223360101	Trần	Hiếu	01BK15A6.2	7.0	7.0	7.0		8.5		7.9	Đạt
31	1223360249	Bùi Thị Phương	Hoàn	01BK15A7	8.0	7.5	7.7		8.5		8.2	Đạt
32	1223360097	Phạm Văn	Huy	01BK15A6.2	8.0	7.0	7.3		8.0		7.7	Đạt
33	1223360247	Phan Hoàng Anh	Khoa	01BK15A7	8.0	8.0	8.0				3.2	Thi lại
34	1223360098	Nguyễn Hoàng Anh	Khoa	01BK15A6.2	9.0	7.5	8.0		8.0		8.0	Đạt
35	1223360170	Trương Nguyễn Đăng	Khoa	01BK15A6.2	7.0	7.5	7.3		9.0		8.3	Đạt
36	1223360056	Đặng Hoàng	Lâm	01BK15A6.2	8.0	7.0	7.3		8.5		8.0	Đạt
37	1223360127	Dương Uyển Nhược	Lan	01BK15A6.2	7.0	7.0	7.0				2.8	Thi lại
38	1223360163	Nguyễn Ngọc Phương	Linh	01BK15A6.2	7.0	7.0	7.0		7.0		7.0	Đạt
39	1223360141	Nguyễn Hữu	Lộc	01BK15A6.2	10.0	8.0	8.7		8.5		8.6	Đạt
40	1223360193	Võ Minh	Lộc	01BK15A6.2	8.0	7.0	7.3		8.5		8.0	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: GIÁO DỤC THỂ CHẤT

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4.0					
41	1223360049	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	01BK15A6.2	7.0	6.5	6.7				2.7	Thi lại
42	1223360122	Trần Minh	Mẫn	01BK15A6.2	7.0	7.0	7.0		7.0		7.0	Đạt
43	1223360091	Phan Hoài	Minh	01BK15A6.2	7.0	7.5	7.3		7.0		7.1	Đạt
44	1223360166	Nguyễn Thị Thúy	Nga	01BK15A6.2	7.0	7.5	7.3		7.5		7.4	Đạt
45	1223360227	Phạm Ngọc Tuyết	Ngân	01BK15A7	8.5	8.0	8.2		8.0		8.1	Đạt
46	1223360235	Trần Nguyễn Quỳnh	Ngân	01BK15A7	8.0	8.5	8.3		6.0		6.9	Đạt
47	1223360124	Võ Thu	Ngân	01BK15A6.2	8.0	7.5	7.7		9.0		8.5	Đạt
48	1223360132	Phan Thị Thanh	Ngân	01BK15A6.2	8.0	6.5	7.0		6.0		6.4	Đạt
49	1223360244	Nguyễn Thị Thanh	Nghi	01BK15A7	8.0	7.5	7.7		6.5		7.0	Đạt
50	1223360143	Đàm Xuân	Nghi	01BK15A6.2	8.0	7.0	7.3				2.9	Thi lại
51	1223360147	Hồ Bảo	Nghi	01BK15A6.2	6.0	6.0	6.0		8.5		7.5	Đạt
52	1223360092	Lê Trọng	Nghĩa	01BK15A6.2	8.0	7.5	7.7		8.5		8.2	Đạt
53	1223360120	Trịnh Hồng	Ngọc	01BK15A6.2	8.0	8.0	8.0		9.0		8.6	Đạt
54	1223360175	Nguyễn Văn Thiên	Ngọc	01BK15A6.2	8.0	7.5	7.7		7.0		7.3	Đạt
55	1223240059	Bùi Thị Thu	Nguyệt	01BK15A7	8.5	8.0	8.2		7.5		7.8	Đạt
56	1223360115	Trương Nguyệt	Nhi	01BK15A6.2	8.0	8.0	8.0		7.5		7.7	Đạt
57	1223360152	Hà Ngọc	Nhi	01BK15A6.2	8.0	7.5	7.7		7.0		7.3	Đạt
58	1223360153	Bùi Đình	Phi	01BK15A6.2	8.5	7.5	7.8		8.5		8.2	Đạt
59	1223360239	Phan Thanh	Phong	01BK15A7	7.0	8.0	7.7		7.5		7.6	Đạt
60	1223360173	Lê Huy	Phong	01BK15A6.2	8.0	8.5	8.3		10.0		9.3	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: GIÁO DỤC THỂ CHẤT

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4.0					
61	1223360106	Thượng Văn	Phú	01BK15A6.2	7.0	7.0	7.0				2.8	Thi lại
62	1223360160	Huỳnh Văn	Phúc	01BK15A6.2	8.0	8.0	8.0		8.0		8.0	Đạt
63	1223360184	Võ Trọng	Phúc	01BK15A6.2	8.0	7.0	7.3				2.9	Thi lại
64	1223240060	Đặng Ngọc	Phương	01BK15A7	7.5	8.0	7.8		6.5		7.0	Đạt
65	1223360251	Phan Khánh	Phuong	01BK15A7	7.0	7.5	7.3		6.5		6.8	Đạt
66	1223360116	Lê Hoàng	Quân	01BK15A6.2	8.0	7.0	7.3				2.9	Thi lại
67	1223360107	Thượng Văn	Quý	01BK15A6.2	8.0	7.5	7.7		7.5		7.6	Đạt
68	1223240062	Lê Thị Mỹ	Tâm	01BK15A7	9.0	9.5	9.3		9.0		9.1	Đạt
69	1223360162	Nguyễn Hoàng	Thái	01BK15A6.2	8.0	7.5	7.7		8.5		8.2	Đạt
70	1223360099	Phan Võ Quang	Thắng	01BK15A6.2	9.0	8.0	8.3		6.5		7.2	Đạt
71	1223360237	Hồ Tấn	Thành	01BK15A7	9.0	9.5	9.3		10.0		9.7	Đạt
72	1223360144	Nguyễn Lê Anh	Thư	01BK15A6.2	9.0	7.5	8.0		7.0		7.4	Đạt
73	1223360154	Lê Hạ Hoài	Thương	01BK15A6.2	8.0	7.5	7.7		7.5		7.6	Đạt
74	1223360067	Nguyễn Nho Trương	Tiến	01BK15A6.2	9.0	8.0	8.3		10.0		9.3	Đạt
75	1223360113	Phạm Kim	Tiến	01BK15A6.2	8.0	8.0	8.0		9.0		8.6	Đạt
76	1223360233	Đỗ Trọng	Tín	01BK15A7	8.0	8.0	8.0		9.0		8.6	Đạt
77	1223360121	Trần Thị Thu	Trâm	01BK15A6.2	8.0	7.5	7.7		7.5		7.6	Đạt
78	1223360164	Nguyễn Thị Thùy	Trang	01BK15A6.2	8.0	8.0	8.0		7.5		7.7	Đạt
79	1223360165	Liêu Minh	Trọng	01BK15A6.2	9.0	8.0	8.3		9.0		8.7	Đạt
80	1223360145	Nguyễn Thanh	Trúc	01BK15A6.2	9.0	7.5	8.0		7.5		7.7	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: GIÁO DỤC THỂ CHẤT

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2		
							4.0		6.0	6.0	TB Môn	KQ1
81	1223360199	Nguyễn Thành	Trung	01BK15A7	8.0	9.0	8.7		8.5		8.6	Đạt
82	1223360138	Dương Thị Cẩm	Tú	01BK15A6.2	8.5	8.0	8.2		5.5		6.6	Đạt
83	1223360128	Diệp Minh	Tuấn	01BK15A6.2	8.0	8.5	8.3		8.0		8.1	Đạt
84	1223360102	Nguyễn Hoàng Phương	Uyên	01BK15A6.2	8.0	8.0	8.0		7.5		7.7	Đạt
85	1223360130	Nguyễn Ngọc Thảo	Uyên	01BK15A6.2	8.5	7.5	7.8		6.0		6.7	Đạt
86	1223360095	Nguyễn Thị Yến	Vy	01BK15A6.2	8.0	8.5	8.3		6.5		7.2	Đạt
87	1223360161	Nguyễn Thị Tuyết	Vy	01BK15A6.2	8.0	8.0	8.0		6.5		7.1	Đạt
88	1223360169	Nguyễn Thị Tường	Vy	01BK15A6.2	8.0	8.5	8.3		6.5		7.2	Đạt
89	1223360105	Nguyễn Thị Kim	Xuyến	01BK15A6.2	8.0	8.5	8.3		9.5		9.0	Đạt
90	1223360222	Nguyễn Thị Như	Ý	01BK15A7	7.0	7.0	7.0		7.0		7.0	Đạt